TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **998** /2018/KDTM-PT
Ngày: 05-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Bùi Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 10 và ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3973/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7794/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**.

Địa chỉ: 170 đường H, phường H1, Quận H2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Văn S (theo giấy ủy quyền số 969 /UQ-NSG-KHDN ngày 26/9/2018) (Có mặt).

Bị đơn: **Công ty Cổ phần Vina TL**

Trụ sở: 704 đường N, Khu phố N1, phường N2, Quận N3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Mạnh H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Bùi Mạnh H** và bà **Trần Thị L**. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 704 đường N, Khu phố N1, phường N2, Quận N3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Trần Văn D** và bà **Phạm Thị Bích P**.

Địa chỉ: 168/19 đường C, Khu phố C1, phường C2, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông D có mặt, bà P vắng mặt)

3. Bà **Trần Thị Cẩm H**, ông **Tiết Văn S** và bà **Tiết Thị Cẩm T**. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 168/19 đường C, Khu phố C1, phường C2, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà **Tạ Thị Thu T** và ông **Vũ Quyết C**. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 1428/3D Khu phố 3, phường A, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/8/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ông Đào Văn S là người đại diện ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt là "ABANK") cho Công ty Cổ phần VINA TL (sau đây viết tắt là "Công ty TL") vay vốn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012, phụ lục hợp đồng số PL01-0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012 và phụ lục hợp đồng số PL02-0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng tổng: 2.450.000.000 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Mục đích bảo lãnh: Phát hành các loại bảo lãnh trong nước (ngoại trừ bảo lãnh vay vốn);

Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tổng: 12 tháng, kể từ ngày 13/02/2012 đến ngày 13/02/2013.

Thời hạn vay của mỗi món vay: Được ghi trên giấy nhận nợ. Tối đa không quá 6 tháng.

Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ; cụ thể trong các giấy nhận nợ lãi suất trong hạn là 15%/năm; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012 và các phụ lục hợp đồng đính kèm, ngày 15/6/2012 Công ty TL ký với ABANK Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: HĐSĐBS.01 - 0163/12/TD/I.30 với nội dung nâng hạn mức tín dụng tổng lên 3.050.000.000 đồng .Đến ngày 01/10/2012, Công ty TL ký với ABANK Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HĐSĐBS.02 - 0163/12/TD/I.30 với nội dung nâng hạn mức tín dụng tổng lên 5.750.000.000 đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012, các phụ lục hợp đồng, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HĐSĐBS.01 - 0163/12/TD/I.30 ngày 15/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HĐSĐBS.02 - 0163/12/TD/I.30 ngày 01/10/2012 được ký kết giữa Công ty TLvà ABANK. Ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bích P, ông Vũ Quyết C, bà Tạ Thị Thu T đã ký các hợp đồng thế chấp sau:

Ngày 13/02/2012, ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Bích P đã ký với ABANK Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0163/12/BL/I.30. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại C16/11B/15 (số mới 168/19 đường C) Khu phố C1, phường C2, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1901/2004 do UBND quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2004.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0163/12/BL/I.30 ngày 13/02/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/02/2012 và Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Bình Tân ngày 16/02/2012.

Ngày 01/10/2012, ông Vũ Quyết C và bà Tạ Thị Thu T đã ký với ABANK Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0163B/12/BL/I.30. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 16 đường L, Phường L1, quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 324/2003 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2003.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0163B/12/BL/I.30 ngày 01/10/2012 đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/2012 và Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/10/2012.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012, các phụ lục hợp đồng, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HĐSĐBS.01 - 0163/12/TD/I.30 ngày 15/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HĐSĐBS.02 - 0163/12/TD/I.30 ngày 01/10/2012 được ký kết giữa Công ty TL và ABANK. Ngày 13/02/2012, ông Bùi Mạnh H và bà Trần Thị L đã ký Cam kết bảo lãnh với nội dung bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TL tại ABANK.

ABANK đã giải ngân đúng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012, các phụ lục hợp đồng, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HĐSĐBS.01 - 0163/12/TD/I.30 ngày 15/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HĐSĐBS.02 - 0163/12/TD/I.30 ngày 01/10/2012. Công ty TL đã thực hiện việc rút vốn vay tại ABANK, cụ thể theo các giấy nhận nợ sau:

Theo Giấy nhận nợ ngày 19/7/2012, Công ty TL đã thực hiện rút vốn tại ABANK với số tiền là: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 19/7/2012 đến ngày 19/01/2012.

Theo Giấy nhận nợ ngày 27/7/2012, Công ty TL đã thực hiện rút vốn tại ABANK với số tiền là: 450.000.000 đồng; Thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 27/7/2012 đến ngày 27/01/2013.

Theo Giấy nhận nợ ngày 20/8/2012, Công ty TL đã thực hiện rút vốn tại ABANK với số tiền là: 1.900.000.000 đồng; Thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 20/8/2012 đến ngày 20/02/2013.

Theo Giấy nhận nợ ngày 03/10/2012, Công ty TL đã thực hiện rút vốn tại ABANK với số tiền là: 2.700.000.000 đồng. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 03/10/2012 đến ngày 03/4/2013.

Tổng số tiền Công ty TL đã vay tại ABANK theo các giấy nhận nợ trên là 5.550.000.000 đồng.

Tính đến ngày 4/8/2014, Công ty TL còn nợ tại ABANK tổng số tiền là: 6.713.795.043 đồng, trong đó:

Nợ gốc là: 5.122.675.000 đồng;

Nợ lãi tạm tính đến ngày 4/8/2014 là: 1.591.120.043 đồng.

Khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty TL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ABANK, vi phạm các thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng Công ty TL đã ký kết nên ABANK khởi kiện Công ty TL đề nghị Toà giải quyết:

1/ Buộc Công ty TL phải thanh toán cho ABANK tổng số tiền tạm tính đến ngày 4/8/2014 là: 6.713.795.043 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: 5.122.675.000 đồng;

- Nợ lãi tạm tính đến ngày 4/8/2014 là: 1.591.120.043 đồng

2/ Buộc Công ty TL phải chịu số tiền lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc thực nợ kể từ ngày 5/8/2014, theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho ABANK.

3/ Trong trường hợp Công ty TL không trả được nợ, ABANK yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm mà ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bích P, ông Vũ Quyết C, bà Tạ Thị Thu T đã thế chấp tại ABANK theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 0163/12/BL/I.30 ngày 13/02/2012 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 0163B/12/BL/I.30 ngày 01/10/2012 để thu hồi nợ cho ABANK.

4/ Trong trường hợp Công ty TL không trả được nợ buộc ông Bùi Mạnh H và bà Trần Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ABANK theo Cam kết bảo lãnh ngày 13/02/2012.

Trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày 16/9/2014 ông Vũ Quyết C và bà Tạ Thị Thu T đã thay bị đơn thanh toán số tiền 3.500.000.000 đồng bao gồm 2.700.000.000 đồng tiền gốc và 800.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi thu số tiền trên, ABANK đã tất toán giấy nhận nợ lần 4 (LD 1227700135 với số nợ gốc là 2.700.000.000 đồng và 877.875.000 đồng tiền lãi và giải chấp tài sản là bất động sản tại địa chỉ số 16 đường L (nay là 128/51 đường L, Phường L1), Phường L2, quận L3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 324/2003 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2003. Do đó Ngày 20/6/2016 ABANK đã nộp đơn yêu cầu đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:Rút yêu cầu trong trường hợp Công ty CP Vina TL không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo mà ông Vũ Quyết Chiến và bà Tạ Thị Thu T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0163B/12/BL/I30 ngày 01/10/2012 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên xét xử sơ thẩm, ABANK yêu cầu Công ty TL phải trả tổng số tiền: 5.379.480.168 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/6/2018 cho đến khi tất toán khoản vay, cụ thể:

- Nợ gốc: 2.421.791.792 đồng;

- Nợ lãi: 2.957.688.376 đồng;

+Lãi trong hạn: 49.835.508 đông;

+Lãi quá hạn: 2.907.852.868 đồng.

*Ông Trần Văn D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Ông Dũng có quen biết ông H là giám đốc Công ty TL. Qua quá trình quan hệ Công ty TL kinh doanh mua bán xe ô tô, cần vốn để mở rộng kinh doanh nên vợ chồng ông cho vợ chồng ông H mượn tài sản là giấy chứng nhận nhà ở và quyền sử dụng đất ở do vợ chồng ông đứng tên để thế chấp bảo lãnh cho khoản vay 2.421.791.792 đồng của công ty TL tại Ngân hàng A

Ông chỉ là người bảo lãnh cho bị đơn nay họ không trả vốn vay, vợ chồng ông đề nghị xin trả phần tiền lãi nêu trên và giảm một phần lãi. Cụ thể trả Tổng cộng trả cả gốc và lãi để lấy lại nhà đất là: 3.000.000.000 đồng và trả dứt điểm vào tháng 8/2018.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 37/2018/KDTM-ST ngày 07/6/2018 của Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 121, 122, 124, 302, 305, 318, 319, 320, 323, 342, 343, 348, 351, 355, 388, 389, 401, 404, 405, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc Công ty cổ phần Vina TL phải trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền là tiền gốc, lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/6/2018 là 5.379.480.168 (năm tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, một trăm sáu mươi tám) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 08/6/2018 cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc mà bị đơn đã vay của nguyên đơn theo như hợp đồng tín dụng hạn mức số 0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012 và phụ lục hợp đồng số PL01-0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012 và phụ lục hợp đồng số PL02-0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012 mà hai bên đã thỏa thuận.

Trường hợp bị đơn không thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ số tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại số C16/11B/15 (số mới 168/19 đường C) Khu phố C1, phường C2, quậnC3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1901/2004 do UBND quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2004. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 0163/12/BL/I.30 ngày 13/02/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/02/2012 và Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Bình Tân ngày 16/02/2012. Bên thế chấp: Ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bích P.

Trường hợp nếu đến ngày án có hiệu lực thi hành khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn đã thanh toán hết số tiền nợ gốc, lãi, lãi phát sinh tiếp tục đến ngày thanh toán thì nguyên đơn phải trả lại toàn bộ bản chính các giấy tờ sau: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1901/2004 do UBND quận Bình Tân cấp ngày 29/9/2004, Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 29/10/2004, Quyết định đổi số nhà số 40964/QĐ-UB do UBND quận Bình Tân cấp ngày 04/7/2005 và Hợp đồng mua bán nhà ở số công chứng 78/80 cho ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Bích P.

Trường hợp phát mãi nhà đất trên mà vẫn chưa đủ số tiền thanh toán nợ gốc và lãi cho bị đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản mang tên sở hữu của ông Bùi Mạnh H và bà Trần Thị L để đảm bảo cho khoản vay mà bị đơn đã vay của nguyên đơn theo Bản cam kết bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngày 13/02/2012 của ông bà này.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc là 2.700.000.000 (hai tỷ, bảy trăm triệu) đồng và 877.875.000 (tám trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền lãi và giải chấp tài sản là bất động sản tại địa chỉ số 16 đường L (nay là 128/51 đường L, Phường L1), Phường L2, quận L3, Thành phố Hồ

Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 324/2003 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2003. Bên thế chấp là ông Vũ Quyết C và bà Tạ Thị Thu T.

3/ Về án phí:

- Buộc Công ty cổ phần Vina TL phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.379.480 (một trăm mười ba triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

- Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.356.898 (năm mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn, tám trăm chín mươi tám) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004932 ngày 10/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 6 năm 2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn D đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn D trình bày: Sau khi nộp đơn khởi kiện nguyên đơn đã tiến hành làm việc với bị đơn Công ty TL và trong hồ sơ khởi kiện đã thể hiện là Công ty TL và ông Bùi Mạnh H giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TL đã chuyển địa chỉ về tại số nhà 152 đường K, ấp K1, K2 huyện Hóc Môn mà Tòa án nhân dân Quận 12 không triệu tập bị đơn theo địa chỉ trên mà vẫn tiến hành triệu tập bị đơn theo địa chỉ tại quận 12 rồi xét xử vắng mặt bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển về cho tòa án huyện Hóc Môn nơi bị đơn có địa chỉ trụ sở giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Ông Đào Văn S - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Kháng cáo của ông Trần Văn D là không có cơ sở, đề nghị tòa án không chấp nhận kháng cáo. Bị đơn đã thừa nhận toàn bộ số nợ gốc và lãi do đó đề nghị tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày của người kháng cáo và các đương sự liên quan đến kháng cáo, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có trụ sở tại Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định về thẩm quyền giải quyết theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D là hợp lệ về thủ tục, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp qui định tại điểm b Khoản 1 Điều 38 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét bị đơn – Công ty TL và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên toà. Theo qui định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn D cho rằng tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng, xét xử sai thẩm quyền do bị đơn Công ty TL đã chuyển trụ sở về huyện Hóc Môn và tài sản thế chấp ở Bình Tân mà tòa án quận 12 giải quyết là không đúng thẩm quyền.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào công văn số 13317/PĐKKD-KD ngày 7/11/2016 của phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư cung cấp thông tin doanh nghiệp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Quận 12 đã xác định "*Công ty Cổ phần Vina TL (mã số doanh nghiệp :0310189316) hiện có tại cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia .. đến nay công ty TL chưa đăng ký giải thể*" và tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (mã số doanh nghiệp :0310189316) xác định địa chỉ trụ sở của Công ty TL ở tại số 709 đường N, phường N1, Quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 505 -506). Đồng thời ngày 12/9/2017 tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác minh địa chỉ hoạt động của Công ty TL và địa chỉ của ông Bùi Mạnh H giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TL tại công an K2 huyện Hóc Môn và công an cũng đã trả lời xác minh vào ngày 26/9/2017 xác định "*Công ty Cổ phần vina TLthực tế không có hoạt động tại địa chỉ 152 đường K, K1, K2, Hóc Môn*'' và " *Ông Bùi Mạnh H không có cư trú tại 152 152 đường K, K1, K2, Hóc Môn*" (BL 503-504). Tòa án cấp sơ thẩm đã làm thủ tục tống đạt hợp lệ cho bị đơn theo đúng qui định của pháp luật tại địa chỉ trụ sở của bị đơn và địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của bị đơn cư trú nhưng bị đơn đã không đến tòa. Ông D trình bày Công ty TL đã thay đổi địa chỉ trụ sở về quận Bình Tân nhưng ngoài lời trình bày thì tại tòa ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh địa chỉ của công ty TL đã thay đổi để cung cấp cho tòa án. Do đó kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không thu thập các tài liệu chứng cứ để tìm địa chỉ bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số 0163/12/BL/I.30 ngày 13/02/2012 thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ C16/11B/15 (số mới 168/19 đường C), Khu phố C, phường C2, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có Giấy chứng nhận số 1901/2004 do Ủy ban nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố

Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2010 cho ông, bà Trần Văn D - Phạm Thị Bích P) để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả nợ của Công ty TL phát sinh theo các hợp đồng cấp tín dụng trong thời gian từ ngày 13/2/2012 đến ngày 13/2/2015 tại ngân hàng A đã được chứng nhận thế chấp tại phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/02/2012 và đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên môi trường Quận Bình Tân ngày 16/02/2012. Xét hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã thực hiện đúng theo Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/07/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch đảm bảo nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 và phù hợp với nội dung thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên căn cứ Điều 263 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ nêu trên.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn D.

Giữ nguyên các quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2018/KDTM-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, 355, 369 Bộ luật Dân sự năm 2005

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử :

1. Buộc Công ty Cổ phần Vina TL thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 07/6/2018) là 5.379.480.168 (năm tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, một trăm sáu mươi tám) đồng.

Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán toàn bộ số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 08/6/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc đã vay của theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012, phụ lục hợp đồng số PL01-0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012 và phụ lục hợp đồng số PL02-0163/12/TD/I.30 ngày 13/02/2012.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ số tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại số C16/11B/15 (số mới 168/19 đường C) Khu phố C1, phường C2, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1901/2004 do UBND quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2004. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 0163/12/BL/I.30 ngày 13/02/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/02/2012 và Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Bình Tân ngày 16/02/2012. Bên thế chấp: Ông Trần Văn D, bà Phạm Thị Bích P.

Trường hợp bị đơn đã thanh toán hết số tiền nợ gốc, lãi, lãi phát sinh đến ngày thanh toán thì nguyên đơn phải trả lại toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1901/2004 do UBND quận Bình Tân cấp ngày 29/9/2004, Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 29/10/2004, Quyết định đổi số nhà số 40964/QĐ-UB do UBND quận Bình Tân cấp ngày 04/7/2005 và Hợp đồng mua bán nhà ở số công chứng 78/80 cho ông Trần Văn D và bà Phạm Thị Bích P.

Trường hợp phát mãi nhà đất trên mà vẫn chưa đủ số tiền thanh toán nợ gốc và lãi cho bị đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản của ông Bùi Mạnh H và bà Trần Thị L để đảm bảo cho khoản vay mà bị đơn đã vay của nguyên đơn theo Bản cam kết bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngày 13/02/2012.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc là 2.700.000.000 (hai tỷ, bảy trăm triệu) đồng và 877.875.000 (tám trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền lãi và giải chấp tài sản là bất động sản tại địa chỉ số 16 đường L (nay là 128/51 đường L, Phường L1), Phường L2, quận L3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 324/2003 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2003. Bên thế chấp là ông Vũ Quyết C và bà Tạ Thị Thu T.

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần Vina TL phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.379.480 (một trăm mười ba triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi) đồng.

- Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 57.356.898 (năm mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn, tám trăm chín mươi tám) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004932 ngày 10/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn D phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2017/0036785 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Chinh